

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

PHẠM THỊ TÍNH. *Quyền con người được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam*

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 62.38.01.02

Quyền con người (QCN) được sống trong môi trường trong lành ra đời từ thực tiễn ô nhiễm môi trường và khủng hoảng sinh thái trên phạm vi toàn cầu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế, gia tăng dịch bệnh, đói nghèo,... tác động tiêu cực tới việc thụ hưởng các QCN cơ bản, như: quyền sống, quyền sức khỏe, quyền lương thực, quyền nước sạch,... Ở Việt Nam, quan điểm về QCN được sống trong môi trường trong lành đã được hình thành cùng với quá trình đổi mới, mở cửa và hội nhập, nhưng đến tháng 11/2013 QCN được sống trong môi trường trong lành mới chính thức được ghi nhận trong Hiến pháp. QCN được sống trong môi trường trong lành là một quyền mới, có nội hàm rộng và tương đối phức tạp, chưa có lý thuyết và nội dung cụ thể. Các nghiên cứu về QCN được sống trong môi trường trong lành còn rất ít. Vì vậy, QCN được sống trong môi trường trong lành rất cần được nghiên cứu chuyên sâu cả về lý luận và thực tiễn để sớm đưa ra lý thuyết QCN được sống trong môi trường trong lành. Với lý do đó, NCS. Phạm Thị Tính đã chọn chủ đề *QCN được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam* làm đề tài cho luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, bổ cục của Luận án gồm 4 chương:

Chương 1 trình bày *tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong đề tài luận án*.

Chương 2 trình bày *những vấn đề lý luận về quyền con người được sống trong môi trường trong lành*.

Môi trường có vai trò rất quan trọng đối với con người nên khi môi trường bị ô nhiễm sẽ tác động tiêu cực đến con người. Do vậy, các nhà khoa học đã coi việc giải quyết vấn đề môi trường là của QCN và việc thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường là tiền đề cho việc bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành.

QCN được sống trong môi trường trong lành là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được sống trong môi trường mà ở đó các thành phần của môi trường đều bảo đảm về chất lượng, không vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép, không ảnh hưởng đến đời sống sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật, được pháp luật quốc gia, các thỏa thuận pháp lý quốc tế ghi nhận và bảo đảm.

QCN được sống trong môi trường trong lành có mối liên hệ, phụ thuộc và liên quan với rất nhiều QCN khác, khi môi trường bị ô nhiễm sẽ có rất nhiều hoạt động, nhiều QCN bị ảnh hưởng, kể cả quyền sống. Luận án đưa ra 7 quyền phái sinh có liên quan trực tiếp đến nội dung QCN được sống trong môi trường trong lành dựa trên các văn kiện quốc tế về/có liên quan đến QCN và môi trường và dựa vào các đặc điểm, tính chất của QCN được sống trong môi trường trong lành, bao gồm: 1/ Quyền sống và được sống trong môi trường trong lành. 2/ Quyền tiếp cận với nước. 3/ Quyền đạt được tình trạng sức khỏe tốt nhất có thể (quyền sức khỏe). 4/ Quyền có lương thực, thực phẩm thích đáng. 5/ Quyền tiếp cận thông tin môi trường. 6/ Quyền tham gia vào các hoạt

động liên quan đến môi trường. 7/ Quyền tiếp cận tư pháp trong lĩnh vực môi trường.

Ngoài ra, còn nhiều quyền liên quan khác như: quyền có nhà ở, quyền được hưởng lợi bình đẳng từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, quyền được bảo vệ và bảo tồn không khí, quyền được bảo vệ trước các thảm họa thiên tai,... Trên cơ sở đó, Luận án đưa ra các cơ chế pháp lý bảo đảm QCN được sống trong môi trường trong lành thông qua các yếu tố thể chế và các yếu tố thiết chế cũng như các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền.

Chương 3 đánh giá thực trạng quyền con người được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam.

QCN được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam tuy mới được hiến định tháng 11/2013, nhưng vấn đề bảo vệ môi trường đã được Đảng và Nhà nước quan tâm từ Hiến pháp 1980, có những quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân. Cùng với quá trình đổi mới, mở cửa, hội nhập, và đặc biệt là từ khi Việt Nam tham gia Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất (Rio 1992) và một loạt các công ước quốc tế về môi trường, luật pháp ở Việt Nam đã thể chế hóa các quan điểm của Đảng và Chính phủ về bảo vệ môi trường vào hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường cùng với việc chuyển hóa các nội dung điều ước vào xây dựng khung pháp lý cho các chuẩn mực về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, quá trình hành động về môi trường diễn ra khá chậm và không đồng đều, từ thay đổi nhận thức đến hành động, ứng xử với môi trường còn khoảng cách khá xa. Trong triển khai thực hiện chính sách, mục tiêu cho tăng trưởng kinh tế vẫn được ưu tiên hàng đầu, yếu tố bảo vệ môi trường và quyền môi trường vẫn bị xem nhẹ khiến cho môi trường ngày càng xuống cấp và ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng không

nhỏ đến sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, con người và QCN.

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các quan điểm của Đảng, các chính sách và luật pháp của Nhà nước về bảo vệ môi trường và các thành phần của môi trường cũng như bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành, Luận án chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của pháp luật hiện hành về bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành.

Ưu điểm: 1/ Hiến pháp 1980 đã có các quy định về bảo vệ môi trường và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, qua 3 lần sửa đổi Hiến pháp (1992, 2001, 2013) Việt Nam đã từng bước hoàn thiện thể chế về bảo vệ môi trường. Đặc biệt, Hiến pháp sửa đổi 2013 lần đầu tiên ghi nhận QCN được sống trong môi trường trong lành. 2/ Việt Nam có hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường và các thành phần của môi trường tương đối sớm và khá đầy đủ so với thế giới. Từ năm 1991, Việt Nam đã có Kế hoạch quốc gia về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững (sự nhanh nhạy trước cả Tuyên bố Rio 1992). Có thể thấy sự đồng bộ của hệ thống các văn bản pháp luật bảo vệ môi trường, bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành ở nước ta từ những năm cuối của thế kỷ XX.

Hạn chế: 1/ Trong hoạch định chính sách vẫn xem nhẹ yếu tố bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành. Các quy định không có sự kết nối giữa việc bảo vệ môi trường với mục tiêu bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành..., nhiều chính sách, văn bản quy phạm về bảo vệ môi trường được ban hành thiếu thực tế, nhiều mục tiêu định lượng không thể thực hiện. 2/ Cơ chế xây dựng pháp luật còn nhiều bất cập: Quốc hội ban hành luật, Chính phủ và các bộ, ngành, cơ quan nhà nước ở địa phương ban hành văn bản hướng dẫn nên lợi ích

nhóm, ngành bị chi phối nhiều. 3/ Các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường chưa làm rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể chính và các chủ thể có liên quan; chưa quy định cụ thể quy trình, thủ tục, cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; trách nhiệm của cơ quan, cá nhân giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường. 4/ Trong quản lý và giám sát môi trường hầu như thiếu vắng sự tham gia của người dân; Các quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) chưa cụ thể và thiếu chặt chẽ về quy trình, trình độ và trách nhiệm của người lập báo cáo còn hạn chế. 5/ Các mức xử phạt vi phạm hành chính quá nhẹ, xử lý thiếu triệt để khiến cho nhiều doanh nghiệp cứ xả thải rồi nộp phạt mà không xử lý chất thải. 6/ Nhiều văn bản khó thực thi, có văn bản chưa được thi hành đã phải sửa đổi hoặc không thể thực thi vì các quy định mang tính nguyên tắc chung chung. 7/ Thực thi pháp luật là khâu yếu nhất trong quy trình pháp luật ở Việt Nam trong đó có thực thi pháp luật bảo vệ môi trường, bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành.

Chương 4 đưa ra *quan điểm và giải pháp bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam*.

Bảo đảm QCN cho tất cả mọi người là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước. Suy thoái và ô nhiễm môi trường khiến nhiều cộng đồng trở nên đói nghèo, thất học bởi sự gia tăng các làng ung thư, các vùng lũ quét, vùng sạt lở, hạn hán,... sự trẻ hóa độ tuổi của người mắc ung thư, sự phức tạp của cơ cấu bệnh tật và sự phát sinh một số bệnh mới theo chiều hướng phức tạp. Nhiều chuyên gia về môi trường đã cảnh báo, nếu Việt Nam không thay đổi hành động, ứng xử có trách nhiệm với môi trường, con người sẽ phải trả giá đắt do các hành vi của mình và sự giàu có về

tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam sẽ chỉ còn là những bài học lịch sử. Khi các vấn đề về đạo đức môi trường, về trách nhiệm xã hội chưa trở thành thói quen trong hành vi ứng xử của các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế và người dân thì các quy định của thể chế, luật pháp vẫn là công cụ cần thiết để thực thi công lý môi trường.

Hiến pháp 2013 đã hiến định QCN được sống trong môi trường trong lành. Đây là bảo đảm pháp lý cao nhất để bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam. Để quyền đi vào cuộc sống thì việc cụ thể hóa nội dung quyền vào các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành và hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm thực hiện quyền là điều cấp thiết trong bối cảnh ô nhiễm môi trường gia tăng và có diễn biến phức tạp hiện nay. Trước thực tiễn đó, Luận án đưa ra một số quan điểm về các bảo đảm thực hiện quyền, gồm: Sự đồng thuận, quyết tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân; Xây dựng môi trường thể chế phù hợp; Sự phát triển ổn định của nền kinh tế; Nâng cao năng lực và ý thức của các chủ thể; Sự hợp tác, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế. Đồng thời đề xuất 4 nhóm giải pháp bảo đảm thực hiện quyền, đó là: Nâng cao nhận thức và ý thức về quyền được sống trong môi trường trong lành cho mọi đối tượng; Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường dựa trên QCN; Hoàn thiện yếu tố thiết chế trong bảo đảm QCN được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam; Nâng cao năng lực sử dụng và bảo vệ QCN được sống trong môi trường trong lành cho các chủ thể quyền.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2015.

TK.
giới thiệu